

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
-----oO-----

BÙI THỊ HẠNH

**THỰC TRẠNG HIỂU BIẾT, THÁI ĐỘ VÀ HÀNH VI CHĂM SÓC
SỨC KHOẺ SINH SẢN CỦA SINH VIÊN HIỆN NAY**

*(Qua khảo sát tại trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn,
trường Đại học Sư phạm Hà Nội và trường Đại học Bách khoa Hà Nội)*

LUẬN VĂN THẠC SĨ XÃ HỘI
MÃ SỐ: 60 31 30

Hà Nội - 2009

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
-----oOo-----

BÙI THỊ HẠNH

**THỰC TRẠNG HIỂU BIẾT, THÁI ĐỘ VÀ HÀNH VI CHĂM SÓC
SỨC KHOẺ SINH SẢN CỦA SINH VIÊN HIỆN NAY**

*(Qua khảo sát tại trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn,
trường Đại học Sư phạm Hà Nội và trường Đại học Bách khoa Hà Nội)*

CHUYÊN NGÀNH: XÃ HỘI HỌC
MÃ SỐ: 60 31 30

LUẬN VĂN THẠC SĨ XÃ HỘI HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS.TS. VŨ MẠNH LỢI

Hà Nội - 2009

LỜI CẢM ƠN

Luận văn thạc sỹ của tôi được hoàn thành, ngoài sự nỗ lực của bản thân, tôi đã được sự giúp đỡ rất nhiều của các thầy cô, các bạn sinh viên và gia đình.

Nhân dịp này, tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới:

Các thầy cô giáo Khoa Xã hội học Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐH Quốc gia Hà Nội đã truyền đạt cho tôi có những tri thức để thực hiện đề tài này.

PGS.TS Vũ Mạnh Lợi là người trực tiếp hướng dẫn tôi ngay từ lúc ban đầu cũng như trong suốt quá trình thu thập thông tin và hoàn thiện báo cáo nghiên cứu này.

Ban lãnh đạo và các cán bộ, nhân viên của Viện Dân số và các vấn đề xã hội - Trường ĐH Kinh tế quốc dân đã động viên, tạo nhiều điều kiện thuận lợi để tôi vừa tham gia làm tốt công việc và hoàn thành luận văn đúng hạn.

Gia đình và bạn bè cùng lớp cao học Xã hội học khoá 2005-2008 đã có nhiều động viên, góp ý chân thành cũng như những thông tin quý giá trong quá trình học tập và thực hiện đề tài.

Các bạn sinh viên thuộc ba trường Đại học: ĐH Bách khoa Hà Nội, ĐH Khoa học xã hội và nhân văn, ĐH Sư phạm Hà Nội đã nhiệt tình phối hợp và giúp đỡ tôi trong quá trình thu thập thông tin tại các trường để nghiên cứu thu được kết quả tốt.

Người thực hiện
Học viên

Bùi Thị Hạnh

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
DANH MỤC THUẬT NGỮ VIẾT TẮT.....	3
DANH MỤC BẢNG SỐ LIỆU.....	4
DANH MỤC ĐỒ THỊ.....	5
PHẦN 1: MỞ ĐẦU.....	7
1. Lý do chọn đề tài	7
2. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn	9
3. Mục đích nghiên cứu	10
4. Đối tượng, khách thể, phạm vi nghiên cứu	10
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu	11
6. Giả thuyết nghiên cứu và khung lý thuyết.....	13
PHẦN 2: NỘI DUNG CHÍNH.....	15
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ TÀI.....	15
1.1. Cơ sở lý luận của đề tài.....	15
1.1.1. Cơ sở lý luận triết học Mác – Lênin	15
1.1.2. Cơ sở lý luận xã hội học	16
1.2. Các khái niệm công cụ	20
1.2.1. Khái niệm hiểu biết, thái độ, hành vi.....	20
1.2.2. Khái niệm sinh viên	23
1.2.3. Khái niệm Sức khỏe sinh sản và chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên.....	24
1.3. Cơ sở thực tiễn của đề tài.....	25
1.3.1. Một số chính sách và văn bản pháp luật liên quan đến SKSS tại Việt Nam.....	25
1.3.2. Tổng quan vấn đề nghiên cứu.....	28
1.4. Tổng quan địa bàn nghiên cứu.....	32

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG HIỂU BIẾT, THÁI ĐỘ VÀ HÀNH VI CHĂM SÓC SKSS CỦA SINH VIÊN HIỆN NAY.....	35
2.1. Đặc điểm đối tượng khảo sát	35
2.2. Thực trạng hiểu biết, thái độ và hành vi chăm sóc SKSS của sinh viên hiện nay	39
2.2.1. Hiểu biết của sinh viên về SKSS và nguồn cung cấp thông tin về SKSS	39
2.2.1.1. <i>Hiểu biết về khả năng sinh sản và thời khoảng thụ thai.....</i>	40
2.2.1.2. <i>Hiểu biết và thông tin về các biện pháp tránh thai</i>	44
2.2.1.3. <i>Hiểu biết về HIV/AIDS và các bệnh lây truyền qua đường tình dục.....</i>	53
2.2.1.4. <i>Đánh giá kiến thức chung của sinh viên về SKSS</i>	66
2.2.2. Thái độ của sinh viên đối với các vấn đề về SKSS	70
2.2.2.1. <i>Thái độ đối với việc nhận thông tin về BPTT.....</i>	70
2.2.2.2. <i>Trình tiết của người con gái và QHTD trước hôn nhân.....</i>	75
2.2.2.3. <i>Nạo phá thai và SKSS.....</i>	80
2.2.2.4. <i>Thái độ đối với việc nhận thông tin về HIV/AIDS, người nhiễm HIV và nguy cơ lây nhiễm HIV của bản thân.....</i>	84
2.2.3. Hành vi chăm sóc SKSS của sinh viên	87
2.3.4. Nhu cầu nhận/được cung cấp những thông tin/dịch vụ chăm sóc SKSS của sinh viên	90
PHẦN 3: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	93
3.1. Kết luận	93
3.2. Khuyến nghị.....	96
TÀI LIỆU THAM KHẢO	101
PHỤ LỤC.....	106

DANH MỤC THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

AIDS	: Hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải
BCS	: Bao cao su
Bệnh LTQĐTD	: Bệnh lây truyền qua đường tình dục
Bộ GD-ĐT	: Bộ Giáo dục và Đào tạo
BPTT	: Biện pháp tránh thai
CĐ	: Cao đẳng
CLB	: Câu lạc bộ
CS SKSS	: Chăm sóc sức khỏe sinh sản
ĐH	: Đại học
ĐH KHXH&NV	: Đại học Khoa học xã hội và nhân văn
ĐHBK	: Đại học Bách khoa
ĐHSP	: Đại học sư phạm
HIV	: Vi rút suy giảm miễn dịch ở người
KHHGD	: Kế hoạch hoá gia đình
QH TD	: Quan hệ tình dục
SKSS/TD VTN	: Sức khỏe sinh sản/tình dục vị thành niên
SAVY	: Điều tra Quốc gia về vị thành niên và thanh niên Việt Nam
SV	: Sinh viên
THCS	: Trung học cơ sở
THPT	: Phổ thông trung học
TTĐC	: Truyền thông đại chúng
TW	: Trung ương
UNFPA	Quỹ dân số Liên hợp quốc (United Nations Population : Fund)
VTN&TN	: Vị thành niên và thanh niên

DANH MỤC BẢNG SỐ LIỆU

	Tên bảng	Trang
Bảng 1:	Tình hình nhiễm các bệnh lây truyền qua đường tình dục của Việt Nam phân theo tuổi, giới năm 2007	55
Bảng 2:	Tỷ lệ nhiễm HIV của Việt Nam qua các năm, phân theo nhóm tuổi, (%)	56
Bảng 3:	Phân bố ý kiến đánh giá mức độ cần thiết của việc nhận thông tin về BPTT phân theo giới tính, năm học, khối trường và tình trạng có người yêu (%)	72
Bảng 4:	Phân bố tỷ lệ sinh viên đánh giá mức độ dễ dàng của việc nhận thông tin về BPTT theo giới tính, năm học và khối trường (%)	72
Bảng 5:	Phân bố đối tượng khảo sát theo ý kiến về những nhận định đối với vấn đề nạo/phá thai (%)	81
Bảng 6:	Phân bố đối tượng khảo sát đánh giá về khả năng lây nhiễm HIV/AIDS của bản thân theo giới tính, năm học và khối trường (%)	86

DANH MỤC ĐỒ THỊ

	Tên đồ thị	Trang
Đồ thị 1:	Phân bố mẫu khảo sát theo nơi ở hiện tại và theo khối trường (%)	36
Đồ thị 2:	Phân bố mẫu khảo sát theo mức độ tiếp cận các phương tiện thông tin đại chúng (%)	37
Đồ thị 3:	Phân bố đối tượng điều tra theo tiện nghi gia đình tại nơi ở hiện tại (%)	39
Đồ thị 4:	Tỷ lệ sinh viên có đài, ti vi và máy vi tính phân theo khối trường (%)	39
Đồ thị 5:	Tỷ lệ sinh viên có kiến thức đúng về khả năng thụ thai theo giới tính, năm học và theo khối trường (%)	41
Đồ thị 6:	Phân bố tỷ lệ sinh viên cho rằng từ kỳ kinh nguyệt này đến kỳ kinh nguyệt sau có giai đoạn người phụ nữ dễ có khả năng mang thai khi QHTD hơn những giai đoạn khác trong chu kỳ kinh nguyệt (%)	41
Đồ thị 7:	Phân bố đối tượng điều tra theo số BPTT hiện đại trước và sau gợi ý (%)	45
Đồ thị 8:	Phân bố tỷ lệ sinh viên biết về các BPTT trước và sau khi đọc phương án trả lời (%)	45
Đồ thị 9:	Phân bố đối tượng khảo sát theo hiểu biết về BPTT trong điều tra sinh viên, SAVY 2003 và RHIYA 2006 (%)	46
Đồ thị 10:	Phân bố tỷ lệ sinh viên nhận được thông tin về BPTT từ các nguồn khác nhau trong vòng 6 tháng qua tính đến thời điểm khảo sát (%)	49
Đồ thị 11:	Tỷ lệ sinh viên đã trao đổi thông tin về BPTT với những người khác trong 6 tháng qua tính đến thời điểm khảo sát (%)	49
Đồ thị 12:	Tỷ lệ sinh viên có câu trả lời “Có” đối với một số câu hỏi trắc nghiệm về HIV/AIDS (%)	59

	Tên đồ thị	Trang
Đồ thị 13:	Điểm đánh giá kiến thức của sinh viên về HIV/AIDS phân theo giới tính, năm học, khối trường và theo số PTTT đại chúng tiếp cận được trong tuần	60
Đồ thị 14:	Phân bố tỷ lệ sinh viên nhận được thông tin về HIV/AIDS từ các nguồn khác nhau trong vòng 6 tháng qua tính đến thời điểm khảo sát (%)	63
Đồ thị 15:	Tỷ lệ sinh viên đã trao đổi thông tin về HIV/AIDS với những người khác trong 6 tháng qua tính đến thời điểm khảo sát (%)	63
Đồ thị 16:	Phân bố đối tượng khảo sát theo nhận thức về các chủ đề SKSS trong những năm học phổ thông (%)	67
Đồ thị 17:	Phân bố đối tượng khảo sát theo quan điểm đánh giá về mức độ phổ biến của QHTD trước hôn nhân trong sinh viên hiện nay (%)	77
Đồ thị 18:	Tỷ số giới tính khi sinh của Việt Nam qua các năm 2001-2008	83
Đồ thị 19:	Phân bố đối tượng điều tra theo BPTT sẽ sử dụng khi có QHTD (%)	88

THỰC TRẠNG HIỂU BIẾT, THÁI ĐỘ VÀ HÀNH VI CHĂM SÓC SỨC KHOẺ SINH SẢN CỦA SINH VIÊN HIỆN NAY

PHẦN 1: MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Hội nghị Quốc tế về Dân số - Phát triển (ICPD – International Conference on Population and Development) lần thứ tư được tổ chức tại Cairô - Ai Cập năm 1994 đã chỉ rõ cần quan tâm hơn nữa đến các nhu cầu về sức khỏe sinh sản (SKSS) và sức khỏe tình dục (SKTD) của vị thành niên và thanh niên (VTN&TN) nhằm tạo ra sự phát triển bền vững ở các quốc gia trên thế giới (*UNFPA – ICPD, 1994*) [29, tr.22].

Thanh thiếu niên là lực lượng tiềm năng to lớn quyết định sự thịnh vượng của mỗi quốc gia. Năm 2003, Thủ tướng chính phủ Việt Nam đã phê duyệt “*Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam đến năm 2010*” – Văn bản thể hiện sự quan tâm của Nhà nước đối với lực lượng thanh thiếu niên. Đây cũng chính là định hướng cho các chương trình hành động vì sự phát triển của thanh thiếu niên trong giai đoạn công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Ở Việt Nam, nhóm thanh thiếu niên ở độ tuổi từ 15-24 tương đối lớn, hiện (năm 2006) chiếm 19,6% tổng dân số, với số lượng tuyệt đối lên tới gần 16,5 triệu người [33, tr.21]. Dự báo, lực lượng này sẽ tiếp tục tăng và đến năm 2010 đạt gần 17,7 triệu người [35, tr.61]. Tuy nhiên, nhu cầu chăm sóc SKSS/TD của VTN&TN ở nước ta cho đến nay hầu như bị lãng quên hoặc chỉ được kết hợp trong các chương trình dành cho người lớn.

Nhiều báo cáo nghiên cứu cho thấy, ở Việt Nam, hiện có hàng loạt vấn đề về SKSS/TD VTN&TN như: Thiếu kiến thức và thông tin về SKSS kết hợp với những thay đổi về văn hoá, kinh tế-xã hội đã dẫn đến những hành vi có nguy cơ cao ở nhóm đối tượng này. Thực tế cho thấy phần lớn số VTN&TN từng có quan hệ tình dục (QHTD) trước hôn nhân đã không sử dụng bất kỳ một biện pháp tránh thai (BPTT) nào. Hậu quả là trung bình hàng năm có hàng trăm nghìn ca nạo phá thai (0,6 ca nạo phá thai/1 ca sinh mà 1/3 trong số đó là nạo phá thai ở những phụ nữ trẻ

chưa kết hôn) (*Bộ Y tế, 1999*). Một nghiên cứu trên diện rộng gần đây nhất cũng cho biết cứ trong ba nam thanh niên độc thân tuổi 22-25 thì một người đã từng có QHTD (*Bộ Y tế, 2004*). Tỷ lệ VTN&TN nhiễm các bệnh lây truyền qua đường tình dục (LTQDTD), viêm nhiễm đường sinh dục, đặc biệt là HIV/AIDS ngày càng tăng do họ thiếu các kiến thức về vệ sinh thân thể và cách phòng tránh. Tỷ lệ người nhiễm HIV ở lứa tuổi 20-29 đã tăng từ 15% năm 1993 lên 62% năm 2002 (*NCADP, 2004*) và 52,8% vào cuối năm 2007 [12, tr.147], QHTD không an toàn được dự báo sẽ trở thành con đường lây nhiễm chủ yếu trong thời gian tới (*Ruxrungtham, Brown, 2004*) [29, tr.20].

Theo thống kê của Bệnh viện Phụ sản Trung ương, năm 2004, tính riêng số người nạo phá thai lứa tuổi vị thành niên (10-19 tuổi) chỉ dừng lại ở con số 3-5% thì lứa tuổi thanh niên (19-24 tuổi) lên tới 20-25%. Theo thống kê được công bố năm 2006 của Hội kế hoạch hóa gia đình, Việt Nam là một trong ba nước có tỷ lệ nạo phá thai cao nhất thế giới, trong đó 20% là lứa tuổi VTN. Trên phạm vi cả nước có 5% em gái sinh con trước 18 tuổi, 15% sinh con trước tuổi 20. Số trẻ em dưới 15 tuổi mắc các bệnh LTQDTD chiếm 1,16% (bệnh lậu) và 1,5% với các bệnh hoa liễu khác. Đó là chưa kể tới số lượng những người đi nạo phá thai và chữa các bệnh phụ khoa tại các cơ sở tư nhân. [42]

Theo khảo sát của Trung tâm Dân số và Công tác xã hội, Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, ĐH Quốc gia Hà Nội tiến hành trên 300 sinh viên ở nội thành Hà Nội, hơn 10% nam và 7,5% nữ đã từng có QHTD. Đáng chú ý, gần 40% số sinh viên đã QHTD lại có quan hệ với người khác không phải là người mình đang yêu (31% là nam và 8% là nữ) [43].

Những con số nêu trên đã phần nào phản ánh thực trạng chăm sóc SKSS VTN&TN ở nước ta. Sinh viên là một bộ phận cấu thành nhóm VTN&TN. Nhóm đối tượng này mang một số đặc điểm: tập trung ở lứa tuổi 18-24; đa số sống độc lập, xa gia đình; có kiến thức nhất định về SKSS/TD, dễ tiếp cận với các nguồn thông tin trên mạng Internet... (kể cả thông tin lành mạnh và không lành mạnh); quan niệm sống “cởi mở” và “thoáng” hơn khiến họ dễ có nguy cơ đối với các vấn

đề SKSS/TD (như mang thai ngoài ý muốn, nạo phá thai, nhiễm khuẩn đường sinh sản, mắc bệnh LTQĐTD và HIV/AIDS...) [21, tr.245].

Số sinh viên ngày càng tăng do quy mô đào tạo cao đẳng, đại học ngày càng lớn. Theo số liệu thống kê, năm 2008, cả nước có 393 trường đại học và cao đẳng (322 trường công lập, 71 trường ngoài công lập) với tổng số 1675,7 nghìn sinh viên, tăng 1,9 lần so với năm học 1999-2000 (899,5 nghìn sinh viên) [38, tr.553]. Sinh viên hiện nay có hiểu biết, thái độ như thế nào đối với vấn đề chăm sóc SKSS? Và hành vi chăm sóc SKSS của họ ra sao? Tất cả những câu hỏi đặt ra ở trên chính là nội dung của luận văn Thạc sỹ *“Thực trạng hiểu biết, thái độ và hành vi chăm sóc sức khoẻ sinh sản của sinh viên hiện nay”* (Qua khảo sát tại trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, trường Đại học Sư phạm Hà Nội và trường Đại học Bách khoa Hà Nội).

2. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn

2.1. Ý nghĩa khoa học

Nghiên cứu nhằm vận dụng những phạm trù, khái niệm, phương pháp nghiên cứu và các lý thuyết Xã hội học vào việc mô tả, giải thích về thực trạng hiểu biết, thái độ và hành vi chăm sóc SKSS của sinh viên hiện nay. Dựa trên những kết quả thu được, nghiên cứu cũng mong góp phần làm giàu thêm tri thức xã hội học trong lĩnh vực cụ thể là vấn đề chăm sóc SKSS/TD VTN&TN.

2.2. Ý nghĩa thực tiễn

Trên cơ sở phân tích một cách khoa học, chúng tôi mong muốn nắm bắt kịp thời những hiểu biết, thái độ, hành vi đúng đắn/sai lệch về SKSS của sinh viên và những nhu cầu chăm sóc SKSS của họ. Từ đó, nghiên cứu đưa ra những khuyến nghị, giải pháp thiết thực cho việc nâng cao hiểu biết của sinh viên ở các trường Đại học khảo sát. Trong một chừng mực nhất định những khuyến nghị đó có thể suy rộng cho sinh viên các trường đại học nói chung về nội dung chăm sóc SKSS góp phần nâng cao chất lượng Dân số.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục – Đào tạo (2004). *Nội dung giáo dục dân số trong môn kinh tế chính trị dành cho sinh viên các trường sư phạm*. Hà nội. 62 trang.
2. Bộ Giáo dục – Đào tạo (2004). *Tài liệu giáo dục Dân số sức khoẻ sinh sản dành cho sinh viên khoa Giáo dục chính trị của các trường ĐHS*. Hà nội. 214 trang.
3. Bộ Giáo dục – Đào tạo (2004). *Nội dung giáo dục dân số - SKSS vào học phần tâm lý học dành cho sinh viên các trường sư phạm*. Hà nội. 73 trang.
4. Bộ Giáo dục – Đào tạo (2004). *Tài liệu giáo dục Dân số sức khoẻ sinh sản dành cho sinh viên khoa Địa lý của các trường ĐHS*, Hà Nội, 251 trang.
5. Bộ Giáo dục – Đào tạo (2004). *Tài liệu giáo dục Dân số sức khoẻ sinh sản dành cho sinh viên khoa Sinh của các trường ĐHS*. Hà nội. 155 trang.
6. Bộ Giáo dục – Đào tạo (2004). *Tài liệu giáo dục Dân số sức khoẻ sinh sản dành cho sinh viên khoa Tâm lý giáo dục của các trường ĐHS*, Hà Nội, 203 trang.
7. Bộ Giáo dục – Đào tạo (2005). *Giáo dục dân số và sức khoẻ sinh sản vị thành niên thông qua hoạt động ngoại khoá trong nhà trường*. Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội, 336 trang.
8. Bộ Giáo dục – Đào tạo (2005). *Giáo dục SKSS/TD VTN – Tài liệu tự học dành cho giáo viên*. Hà nội. 259 trang.
9. Bộ Y tế (2004). *Chiến lược quốc gia về phòng chống HIV/AIDS đến năm 2010 và tầm nhìn 2020*.
10. Bộ Y tế, “*Chiến lược Quốc gia về chăm sóc sức khoẻ sinh sản – Giai đoạn 2001-2010*”, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội-2001, tr.5-6.
11. Bộ Y tế, *Kế hoạch tổng thể Quốc gia về Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ vị thành niên và thanh niên Việt Nam giai đoạn 2006 - 2010, định hướng 2020* (đã được phê duyệt tại Quyết định số 2010/QĐ-BYT ngày 7/6/2006)
12. Bộ Y tế, *Niên giám thống kê y tế 2007*, Hà Nội-2008, 214 trang.
13. Bộ Y tế, Tổ chức y tế thế giới và Tổ chức SIDA Thụy Điển, *Điều tra quốc gia về vị thành niên và thanh niên Việt Nam, Báo cáo chuyên đề: Một số*

- vấn đề sức khỏe tình dục và sinh sản của vị thành niên và thanh niên Việt Nam*, Hà Nội 2006, 52 trang.
14. Bộ Y tế, Tổng cục Thống kê, Quỹ Nhi đồng Liên hiệp quốc (UNICEF) và Tổ chức y tế thế giới (WHO), *Điều tra Quốc gia về vị thành niên và thanh niên Việt Nam (SAVY)*, 2003, 112 trang.
 15. *Chương trình hành động của Hội nghị Quốc tế về Dân số và Phát triển (ICPD)*, Cairô, Ai Cập, tháng 4 năm 1994.
 16. Chương trình hợp tác Y tế Việt Nam - Thụy Điển; Trường đại học Y Thái Bình, 2002, *Sức khỏe vị thành niên ở Việt Nam*. Hà Nội, Nhà xuất bản Y Học.
 17. Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh - Dự án VIE/97/P12 - Quỹ Dân số Liên hợp Quốc (UNFPA), *Sức khỏe sinh sản vị thành niên, tập 1, Chương trình đào tạo*, Hà Nội - 2000.
 18. G.Endrweit và G.Trommsdorff, *"Từ điển Xã hội học"*, NXB Thế giới, Hà Nội – 2001, tr.443
 19. GS. BS. Đỗ Trọng Hiếu, *Sức khỏe sinh sản vị thành niên*, Vụ SKBMTE/KHHGD, Bộ Y tế, 1996.
 20. Hoàng Bá Thịnh (Chủ biên), *Một số nghiên cứu về sức khỏe sinh sản ở Việt Nam sau Cairô* - Trung tâm nghiên cứu Giới, Gia đình và Môi trường trong phát triển (CGFED), NXB Chính trị Quốc gia
 21. Liên minh châu Âu (EC), Quỹ Dân số Liên hiệp quốc (UNFPA), Hội Kế hoạch hoá gia đình Việt Nam (VINAFFPA) và Marie Stopes International, *Tài liệu Hướng dẫn Sức khỏe sinh sản vị thành niên thanh niên - tập II (Tài liệu tham khảo)*, Hà Nội – 2006, 290 trang
 22. *Luật Thanh niên*, NXB Tư pháp, Hà Nội - 2005
 23. Lưu Bích Ngọc (2004). *Chăm sóc SKSS cho vị thành niên: Thực trạng kiến thức và những nhu cầu chưa được đáp ứng về Thông tin – Giáo dục – Truyền thông*. Tạp chí Dân số và Phát triển, số 2(35)/2004. Hà Nội, Việt Nam.
 24. Nguyễn Hữu Châu (2005). *Giáo dục dân số và sức khỏe sinh sản thông qua các hoạt động ngoại khóa trong nhà trường*. Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội, 337 trang.

25. Nguyễn Linh Khiếu, Lê Ngọc Lân, Nguyễn Phương Thảo, *Gia đình trong giáo dục sức khoẻ sinh sản vị thành niên*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội - 2003.
26. Nguyễn Quý Thanh, “*Internet và định hướng giá trị của sinh viên về tình dục trước hôn nhân*” (tr.46-56), Tạp chí Xã hội học, số 2 – 2006, tr.51
27. PGS. TS. Nguyễn Thị Thiêng (Chủ nhiệm đề tài) - Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc (UNFPA), Báo cáo *Khảo sát thực trạng giảng dạy về SKSS/TD vị thành niên và nhu cầu hỗ trợ nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy tại ba trường Đại học sư phạm Hà Nội, Huế và Tp.Hồ Chí Minh*, Viện Dân số và các vấn đề xã hội - ĐHKQTĐ, Hà Nội - 10/2007.
28. PGS.TS. Nguyễn Đình Cử, *Những xu hướng biến đổi dân số ở Việt Nam* (Sách chuyên khảo), NXB Nông nghiệp, Hà Nội-2007, 396 trang.
29. PGS.TS. Nguyễn Thị Thiêng – ThS. Lưu Bích Ngọc, “*Sức khỏe sinh sản thanh thiếu niên Việt Nam – Điều tra ban đầu chương trình RHIYA*”, Hà Nội-2006, 120 trang, tr.20
30. Phạm Tất Dong – Lê Ngọc Hùng (Đồng chủ biên), “*Xã hội học*”, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội - 2001, tr.129-144; tr.257-262
31. Phạm Thị Phương Dung, Luận văn thạc sỹ y tế công cộng - trường Đại học Y tế công cộng, *Kiến thức, thực hành phòng chống bệnh lây truyền qua đường tình dục và HIV/AIDS của nữ sinh viên một trường cao đẳng tại quận Tây Hồ, Hà Nội năm 2006*, Hà Nội, 2006
32. Tổ chức y tế thế giới (WHO, 2001). *Thập niên thứ hai của cuộc đời: Nâng cao sức khoẻ và sự phát triển của vị thành niên*. Vụ sức khoẻ trẻ em và vị thành niên.
33. Tổng cục Thống kê, *Điều tra biến động Dân số, nguồn lao động và kế hoạch hoá gia đình 1/4/2006 - Những kết quả chủ yếu*, Hà Nội-2007, 260 trang.
34. Tổng cục Thống kê, *Điều tra biến động Dân số, nguồn lao động và kế hoạch hoá gia đình 1/4/2008 - Những kết quả chủ yếu*, Hà Nội-6/2009, 350 trang.
35. Tổng cục thống kê, Dự án VIE/97/P14 (2000), *Kết quả Dự báo dân số cho cả nước, các vùng địa lý - kinh tế và 61 tỉnh/thành phố Việt Nam, 1999 – 2024*. Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội-2001, 780 trang.

36. Tổng cục Thống kê, *Niên giám Thống kê 2006*, NXB Thống kê, Hà Nội - 2007, 738 trang, tr.541
37. Tổng cục Thống kê, *Niên giám Thống kê 2007*, NXB Thống kê, Hà Nội - 2008, 830 trang.
38. Tổng cục Thống kê, *Niên giám Thống kê 2008*, NXB Thống kê, Hà Nội - 2009, 820 trang.
39. Tony Bilton, Kenvin Bonnet, Philip Jones, Michelle Stanworth, Ken Sheard và Andrew Webster, *Nhập môn xã hội học*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội - 1993, 550 trang.
40. Trang web: <http://www.suckhoe360.com/Tuoi-teen/Cac-van-de-chung/suc-khoe-sinh-san-vi-thanh-nien.php>
41. Trang web: <http://tinhchiem.vn/Story.aspx?lang=vn&zoneparent=43&zone=87&ID=3030>
42. Trang web: <http://ngoisao.net/News/Thoi-cuoc/2004/12/3B9AFAC4/>
43. Trang web: <http://vnexpress.net/Vietnam/Xa-hoi/Nhip-dieu-tre/2007/04/3B9F53C8/>
44. Trang web: <http://www.dhsphn.edu.vn>
45. Trang web: <http://www.gioitinhthuoiteen.org.vn>
46. Trang web: <http://www.hnue.edu.vn>
47. Trang web: <http://www.hoilhpn.org.vn/NewsDetail.asp?Catid=129&NewsId=3041&lang=VN>
48. Trang web: <http://www.hut.edu.vn>
49. Trang web: <http://www.informatik.uni-leipzig.de/~duc/Dict/>
50. Trang web: <http://www.molisa.gov.vn/frmdocchitiet.asp?mbien1=01&mbien2=113&mbien3=9464>
51. Trang web: <http://www.tienphongonline.com.vn/Tianyon/Index.aspx?ArticleID=74541&ChannelID=9>

52. Trang web:
http://www.ussh.edu.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=46:tongquan-nhatruong&catid=25:overview&Itemid=53
53. Trung tâm từ điển học, “*Từ điển Tiếng Việt*”, NXB KHXH, Hà Nội – 1994, tr.877
54. Trung tâm Từ điển, “*Từ điển tiếng Việt*”, NXB Đà Nẵng - 1998
55. TS. Đỗ Ngọc Tấn, ThS. Nguyễn Văn Thắng (chủ biên), *Tổng quan các nội dung nghiên cứu về sức khỏe, sức khỏe sinh sản vị thành niên ở Việt Nam từ năm 1995 đến năm 2003*, NXB Thanh niên, Hà Nội-10/2004, 224 trang. Tr.17
56. TS. Nguyễn Quốc Anh, Danielr Weitraud, ThS. Nguyễn Mỹ Hương và Meredith Caplan, *Sức khỏe sinh sản vị thành niên - Khảo sát, đánh giá về kiến thức, thái độ và thực hành của vị thành niên, thanh niên Hải Phòng với các vấn đề liên quan đến sức khỏe sinh sản*, NXB Lao động xã hội, Hà Nội -2005, 198 trang.
57. UNFPA, *Thực trạng dân số Việt Nam 2007*, Hà Nội-6/2008, 22 trang
58. UNFPA, *Thực trạng Dân số Việt Nam 2008*, Hà Nội-4/2009, 22 trang
59. Ủy ban Dân số - Kế hoạch hoá gia đình, “*Chiến lược Dân số Việt Nam giai đoạn 2001-2010*”, Hà Nội-2001, tr.6-7
60. Ủy ban Dân số-Gia đình và Trẻ em (2003), *Những nội dung chủ yếu của Pháp lệnh dân số*, NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội-2003, 300 trang.
61. Viện Tâm lý học – Trung tâm KHXH&NV Quốc gia, “*Tâm lý học xã hội - Những vấn đề lý luận*”, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội – 1996, tr.318, 328
62. Vũ Quang Hà, *Các lý thuyết xã hội học*, tập 1, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội - 2001.
63. Viện Dân số và các vấn đề xã hội-ĐHKTQD và Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA), *Báo cáo Điều tra cuối kỳ Chương trình RHIYA Việt Nam*, Hà Nội-2007
64. Web: <http://www.laodong.com.vn/Home/10-nam-Internet-Viet-nam-Toc-do-phat-trien-dung-dau-the-gioi/200711/63524.laodong>